UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 203 /BC-UBND	*Sơn La, ngày 18 tháng 6 năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021

Kính gửi:
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Công văn số 6459/BNV-CCHC ngày 07/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021. UBND tỉnh Sơn La báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2021 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền và kiểm tra CCHC

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025 xác định đẩy mạnh CCHC, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội là một trong 3 khâu đột phá của nhiệm kỳ 2020-2025. Ngày 21.01.2021, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La ban hành Nghị quyết về đẩy mạnh CCHC nhà nước tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025. Theo đó, Tỉnh ủy xác định mục tiêu chung là *"Tiếp tục đẩy mạnh CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình với người dân; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; hệ thống cơ quan hành chính nhà nước các cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân"*; đồng thời xác định 6 mục tiêu cụ thể; 8 nhiệm vụ trọng tâm, 9 giải pháp để triển khai thực hiện. Ngoài ra Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Sơn La ban hành Nghị quyết về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về định hướng hoạt động thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh sơn la giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng đồng bộ giai đoạn 2021-2025... tập trung xây dựng dự thảo Nghị quyết về Chuyển đổi số tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh về CCHC *(gọi tắt là Ban Chỉ đạo)* đã ban hành kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện;

đồng thời triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm, tiếp tục cải cách mạnh mẽ môi trường kinh doanh; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh doanh, đầu tư, đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ doanh nghiệp, khắc phục tác động của đại dịch COVID-19, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

Ngày 11/01/2021, Ban Chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết công tác CCHC, công bố Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính và Chỉ số CCHC năm 2020 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 của các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Sơn La, theo đó, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cho 11/58 cơ quan, đơn vị; công nhận mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ cho 43/58 cơ quan, đơn vị; công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho 04/58 cơ quan, đơn vị.

Nhằm đáp ứng yêu cầu rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục hành chính trong quản lý, kịp thời hỗ trợ các Nhà đầu tư từ bước đề xuất dự án đến thực hiện các thủ tục theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia hoạt động kinh doanh, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thẩm định, quản lý và giám sát đối với các dự án thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La *(Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh)*; tập trung triển khai công tác lập quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong 6 tháng đầu năm 2021 đã thu hút đầu tư được 14 dự án đầu tư sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước với tổng vốn đăng ký đầu tư: 1.634 tỷ đồng.

Ban Chỉ đạo đã ban hành và tích cực triển khai Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2021, theo đó, đã đề ra 07 nhiệm vụ trọng tâm và 94 nhiệm vụ cụ thể *(Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh)*; Kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban chỉ đạo CCHC tỉnh *(Quyết định số 01/QĐ-BCĐCCHC ngày 16/4/2021 của Ban Chỉ đạo)*; Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc đẩy mạnh CCHC tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 *(Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 22/3/2021 của UBND tỉnh)* đồng thời giao rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện, thời gian hoàn thành. Trên cơ sở kế hoạch CCHC của tỉnh, 100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch CCHC năm 2021 và tổ chức thực hiện tại cơ quan, đơn vị mình, chấp hành chế độ báo cáo đầy đủ. Ngoài ra, còn ban hành: Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La *(Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh);* Đề án xác định Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố giai đoạn 2021- 2025 *(Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh)*; Đề án "Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên

chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025".

Thực hiện Quyết định số 1194/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương", UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành có liên quan tập hợp, thu thập tài liệu kiểm chứng, tự chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của tỉnh trên Phần mềm chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ và ban hành Báo cáo số 64/BC-UBND 24/02/2021 về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC năm 2020, báo cáo Bộ Nội vụ đúng thời gian quy định.

Để duy trì, cải thiện Chỉ số nội dung, Chỉ số nội dung thành phần và một số chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu, còn ở mức thấp theo đánh giá của Bộ Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) trong những năm qua của tỉnh, do Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) công bố. Đồng thời, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV về công tác CCHC, hướng tới cải thiện hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh nhằm phục vụ nhân dân của chính quyền địa phương, đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của nhân dân. Ngày 21/01/2021, UBND tỉnh Quyết định ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2025 *(Quyết định số 108/QĐ-UBND)*.

Nhằm kịp thời truyền tải tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức người dân, doanh nghiệp về những chính sách, mô hình cải cách mới được triển khai, các kết quả nổi bật hoặc những bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ CCHC, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26/01/2021 tuyên truyền công tác CCHC tỉnh Sơn La năm 2021. Sở Nội vụ, Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Sơn La đã ký kết Chương trình phối hợp thông tin, tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025. Các thành viên Ban Chỉ đạo cũng đã ban hành kế hoạch và có nhiều giải pháp tăng cường các hoạt động tuyên truyền, kịp thời phổ biến, cập nhật các thông tin về chủ trương, chính sách và kết quả nổi bật trong công tác cải cách hành chính, được thực hiện qua nhiều kênh tuyên tuyền đa dạng với nội dung ngày càng phong phú, sát với thực tiễn. Trung tâm Thông tin đưa 98 tin bài và 290 văn bản về cải cách hành chính lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; các cơ quan báo chí của tỉnh *(Báo Sơn La, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh)* đã đăng tải, phát sóng trên 250 tin, bài, ảnh, phóng sự; thường xuyên duy trì các chuyên mục như: Phổ biến kiến thức, Cải cách hành chính… một số tin, bài được dịch phát sang tiếng Thái và tiếng Mông trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

Nhằm trực tiếp nắm bắt tâm tư nguyện vọng, giải đáp những khó khăn vướng mắc của người dân, doanh nghiệp về chủ trương, chính sách, quy định về thủ tục hành chính, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn đã chủ động xây dựng Kế hoạch và tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân, doanh nghiệp năm 2021.

Về kiểm tra CCHC: ngày 20/01/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 103/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch kiểm tra CCHC năm 2021, theo kế hoạch, tỷ lệ các cơ quan, đơn vị sẽ được kiểm tra đạt từ 30% trở lên trong tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc *(theo Thông báo số 01/TB-ĐKT ngày 26/4/2021, dự kiến sẽ tiến hành kiểm tra công tác CCHC bắt đầu từ tháng 7.2021).*

Trong 6 tháng đầu năm, Tổ công tác của UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 04/TCT ngày 31/12/2020 yêu cầu các cơ quan, đơn vị có 3 nhiệm vụ thực hiện quá hạn năm 2020 báo cáo giải trình; ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kết luận chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh năm 2021; thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện kết luận, nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Sở Lao động TBXH, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND huyện: Phù Yên, Bắc Yên.

2. Kết quả đạt được

2.1 Cải cách thể chế

Tiếp tục thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La; phê duyệt ban hành danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được Luật giao; Kế hoạch thực hiện Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị *(khóa IX)* về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2020; hướng dẫn các sở, ban, ngành về quy trình xây dựng Nghị quyết, Quyết định của HĐND, UBND tỉnh.

Kết quả 6 tháng đầu năm 2021, Ngành Tư pháp Sơn La đã tiếp nhận và thẩm định 26 dự thảo văn bản QPPL *(Sở Tư pháp thẩm định được 23 văn bản, cấp huyện thẩm định được 03 văn bản);* tham gia ý kiến vào 19 dự thảo văn bản của Trung ương và 66 dự thảo văn bản QPPL của địa phương. Quy trình xây dựng và thẩm định được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định.

Kết quả thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, xử lý và hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2021, như sau:

Công tác tự kiểm tra văn bản QPPL: cơ quan Tư pháp thực hiện tự kiểm tra 22 văn bản do UBND cùng cấp ban hành *(Sở Tư pháp thực hiện được 08 văn bản)*; qua kiểm tra các văn bản trên được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Công tác kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền: thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền 11 văn bản QPPL (*Sở Tư pháp thực hiện)*; qua kiểm tra phát hiện 02 văn bản nêu trên có dấu hiệu trái phát luật *(sai về hiệu lực thi hành văn bản)*; cơ quan có thẩm quyền đã ban hành văn bản xử lý theo quy định.

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: ban hành Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh kỳ 2014-2018; công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020 với tổng số 60 văn bản; cập nhật 20 văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

Tăng cường công tác rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) trong giải quyết hồ sơ, TTHC cho người dân và doanh nghiệp; tiếp tục giám sát việc đảm bảo thời gian thực hiện TTHC tại lĩnh vực xây dựng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn toàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong giải quyết các nội dung liên quan đến đất đai, giải quyết kịp thời các TTHC về đất đai cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh năm 2021. Các sở, ngành thường xuyên rà soát, kịp thời công bố, công khai danh mục và nội dung TTHC thuộc phạm vi quản lý của sở, ngành, cơ quan mình theo các quy định mới, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 17 Quyết định công bố danh mục TTHC các lĩnh vực: Tư pháp, Nội vụ, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Giao thông Vận tải, Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường; 07 Quyết định công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực: Xây dựng, Tư pháp, Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đồng thời cập nhật, bổ sung kịp thời TTHC lên Cơ sở sở dữ liệu Dịch vụ công Quốc gia.

Nhằm đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính, gắn với số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng năng suất lao động, góp phần hình thành công dân số, doanh nghiệp số trong xây dựng Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, ngày 21/5/2021, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 128/KH-UBND triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh, kết quả: tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn đạt trên 99% (*số hồ sơ trả quá hạn trong toàn tỉnh đã được các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ việc công khai xin lỗi theo quy định).*

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy

Thường xuyên rà soát, sắp xếp lại và kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan đơn vị trực thuộc theo quy định tại Nghị quyết số 18- NQ/TW, Nghị quyết

số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và các văn bản hướng dẫn thi hành, từng bước khắc phục những chồng chéo, trùng lắp chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, kết quả: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính năm 2021; phê duyệt phương án giao số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021.

Ban hành Đề án kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La *(Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND tỉnh)*. Phê duyệt đề án kiện toàn, sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Nội vụ; Khoa học công nghệ; Tư pháp; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh; Lao động, Thương binh và Xã hội theo Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

Triển khai thực hiện Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ, kết quả: thống nhất giữ nguyên 09 phòng và tái thành lập phòng Dân tộc tại 03 huyện: Mộc Châu, Vân Hồ, Quỳnh Nhai đảm bảo, tiêu chuẩn điều kiện theo quy định tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP. Thống nhất không tổ chức riêng Phòng Y tế, chuyển chức năng tham mưu, giúp UBND cấp huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Y tế do Văn phòng HĐND và UBND thực hiện. Giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy nhân sự và tài chính đối với các cơ quan hành chính thuộc UBND tỉnh, Trường Cao đẳng Sơn La.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 08, 09/2021/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 về việc ban hành quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy; phân cấp quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La. Thành lập, kiện toàn 22 tổ công tác, 09 Ban chỉ đạo, 13 Hội đồng phối hợp liên ngành, 05 Đoàn kiểm tra; sửa đổi, bổ sung 01 Quy chế đảm bảo đúng quy định. Phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2021 *(lần 1: 119 người; lần 2: 77 người)*; tổng hợp thẩm định tinh giản biên chế đợt 2 năm 2021; điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý 12 cán bộ, công chức, viên chức; quyết định nghỉ hưu cho 02 công chức; kéo dài thời gian giữ chức vụ 01 công chức; kỷ luật 02 công chức. Trình Ban Cán sự cho ý kiến điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cho 37 công chức, viên chức thuộc thẩm quyền của giám đốc các sở; Giám đốc Sở Nội vụ cho ý kiến điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại phó trưởng phòng thuộc các sở cho 39 cá nhân.

2.4. Cải cách công vụ

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức, viên chức; thực hiện tốt các mục

tiêu về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, ngày 13/01/2021, UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý, tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sơn La; hướng dẫn xây dựng Đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Hoàn thành việc khắc phục xử lý sai phạm trong tuyển dụng theo Kết luận 71-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư với 41 trường hợp *(tuyển dụng công chức 05 trường hợp; tuyển dụng viên chức 21 trường hợp, 16 tuyển dụng trong trường hợp đặc biệt)* và báo cáo kết quả khắc phục gửi Bộ Nội vụ theo quy định *(Báo cáo số 156 /BC-BCSĐ ngày 17/ 5/2021 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh)*.

Hoàn thành việc khắc phục xử lý sai phạm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý biên chế công chức, tuyển dụng công chức, xét chuyển công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên; bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý; số lượng cấp phó và việc ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính của UBND tỉnh theo Kết luật số 697/KL-TTBNV ngày 29/12/2020 của Thanh tra Bộ Nội vụ và báo cáo kết quả khắc phục gửi Bộ Nội vụ theo quy định *(Báo cáo số 187/BC-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh)*.

Ban hành Quyết định và tổ chức hướng dẫn tập sự, bổ nhiệm vào ngạch cho 54 công chức trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố năm 2020 trên địa bàn; phê duyệt kết quả thi thăng hạng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập từ chuyên viên lên chuyên viên chính cho 20 người, từ cán sự và tương đương lên chuyên viên chính và tương đương cho 84 người; thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính cho 92 người, từ nhân viên, cán sự và tương đương lên chuyên viên và tương đương cho 56 người; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức của UBND huyện Mường La; hướng dẫn tập sự và bổ nhiệm vào ngạch công chức, viên chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự cho 67 người; Triển khai tổ chức kỳ thi nâng ngạch viên chức năm 2020 trong các đơn vị sự nghiệp công lập toàn tỉnh cho 104 người *(chuyên viên 84, chuyên viên chính 20)*. Quyết định phê duyệt kế hoạch và tổ chức quy trình tuyển dụng công chức năm 2021 với 63 chỉ tiêu, với 440 hồ sơ đăng ký dự thi.

UBND tỉnh ban hành Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kỹ thuật viên hạng IV *(Mã số V05.02.08)* lên hạng III *(Mã số V05.02.07)* trong các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2021; Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức cho 27 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 với tổng số 107 lớp, 7.037 người, kinh phí:16.304 triệu đồng *(Số lớp đã mở của năm 2020 chuyển sang là: 17 lớp với 1.162 học viên; số lớp mở mới năm*

2021 là: 90 lớp với 5.875 học viên). Tính đến thời điểm báo cáo đã hoàn thành 18,69% kế hoạch đề ra, cụ thể: cấp tỉnh tổ chức được tổng số 20 lớp với 1.492 lượt học viên *(ngoài ra các huyện, thành phố mở 35 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng cho 2.505 học viên và 25 lớp bồi dưỡng khác cho 1.987 lượt học viên là cán bộ, công chức, viên chức).*

2.5. Cải cách tài chính công

Triển khai có hiệu quả việc thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. UBND tỉnh ban hành Quyết định giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2021; Quy định về quản lý điều hành ngân sách địa phương năm 2021; phê duyệt phương án điều hành ngân sách cấp tỉnh quý I, II/2021; ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021; Quy định danh mục tài sản mua sắm tập trung cấp tỉnh và giao thực hiện nhiệm vụ mua sắm tài sản tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La theo điểm c, khoản 2, Điều 67, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ *(thay thế Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 19/3/2018).*

Thực hiện phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị hành chính sự nghiệp đảm bảo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ tài chính. Quản lý điều hành dự toán thu, chi ngân sách cấp tỉnh; hướng dẫn các ngành phân bổ và giao dự toán đối với các nội dung đặt hàng, giao nhiệm vụ theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo có 05 đơn vị sự nghiệp công lập đã chuyển đổi thành công ty cổ phần; 02 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư; 22 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên; 134 đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên; 541 đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử phù hợp với xu thế phát triển của tỉnh, kết quả: Trục chia sẻ tích hợp dùng chung của tỉnh đã được khai báo, kết nối với Trục kết nối liên thông quốc gia. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến 3 cấp, mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II tỉnh Sơn La, Hệ thống phòng, chống mã độc tập trung tỉnh Sơn La theo mô hình quản trị tập trung được duy trì và sử dụng hiệu quả; các hệ thống thông tin dùng chung, cơ sở dữ liệu của tỉnh được đảm bảo hoạt động tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Sơn La từ cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đảm bảo 20% báo cáo định kỳ *(không bao gồm nội dung mật)* được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với CCHC, kết quả: Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin phần mềm một cửa điện tử cấp tỉnh, huyện, xã đã được nâng cấp một số tính năng kỹ thuật đảm bảo tuân thủ theo các tiêu chí của Bộ Thông tin và Truyền thông; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành duy trì và triển

khai động bộ trong các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La, tỷ lệ ban hành văn bản hoàn toàn trên môi trường mạng đạt 100% và được xác thực bởi dịch vụ chứng thực chữ ký số.

Cổng thông tin điện tử tỉnh và cổng thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động, quản lý, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo tỉnh.

Tiếp tục triển khai thực hiện Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả liên thông hiện đại tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh. Hiện tại 100% cấp xã đã được cấp tài khoản trên hệ thống một cửa điện tử tỉnh Sơn La để thực hiện cập nhật kết quả giải quyết TTHC tại địa phương lên Cổng dịch vụ công của tỉnh *(trong đó 87 xã có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại; 117 xã chỉ sử dụng phần mềm một cửa do chưa được đầu tư về hạ tầng tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)*; 40% TTHC đã được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3, 4 trên cổng dịch vụ công tỉnh.

Tổ chức cung cấp dịch vụ tại các điểm phục vụ theo đúng các quy định về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo yêu cầu của tổ chức cá nhân; sản lượng phát sinh 6 tháng đầu năm đối với dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC là 262.204 hồ sơ *(tiếp nhận: 547 hồ sơ, trả kết quả: 261.657 hồ sơ)*.

3. Số liệu về kết quả thực hiện công tác CCHC 6 tháng năm 2021 *(Có phụ lục I kèm theo)*.

4. Đánh giá chung

4.1. Ưu điểm

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, thường xuyên Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ CCHC ngay từ đầu năm, giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tác động tích cực đến hành động của chính quyền các cấp, góp phần từng bước nâng cao hiệu quả CCHC, nhằm đẩy nhanh tiến trình cải cách của tỉnh và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng kinh tế - xã hội trong năm; các cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch về công tác CCHC và triển khai thực hiện.

Các thành viên Ban Chỉ đạo đã tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để triển khai những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhằm đạt được những kết quả của CCHC giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch CCHC năm 2021 của tỉnh, đã hoàn thành 42 nhiệm vụ trong kế hoạch, tỷ lệ đạt 44,68%.

Việc đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã mang lại chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

4.2.1. Tồn tại, hạn chế

Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC một số cơ quan, đơn vị, đặc biệt là đối với đơn vị trực thuộc, cấp xã còn nhiều hạn chế, việc ban hành các kế hoạch về CCHC chưa thực sự gắn với hoạt động, thực tiễn của ngành, đơn vị.

Một số sở, ngành chưa chủ động phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh với các sở, ban, ngành trong giải quyết TTHC; khi thực hiện một số quy trình giải quyết hồ sơ TTHC trên hệ thống phần mềm Một cửa của tỉnh, cũng như việc phối hợp giải quyết TTHC chưa thực hiện đầy đủ quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP, đã làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả và thời gian đánh giá kết quả giải quyết TTHC. Một số sở, ngành có TTHC không tiếp nhận tại Trung tâm, nhưng cũng không thực hiện tiếp nhận, cập nhật quá trình giải quyết TTHC lên hệ thống một cửa điện tử để đồng bộ, gây khó khăn cho công tác cập nhật số liệu, báo cáo giám sát, đánh giá kết quả giải quyết TTHC cơ quan có thẩm quyền.

Công tác rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện, công khai thủ tục hành chính, quy trình nội bộ, quy trình điện tử, dịch vụ công mức độ 3, 4 trên cổng dịch vụ công dvc.sonla.gov.vn, hệ thống một cửa điện tử motcua.sonla.gov.vn còn có lúc chưa kịp thời, chưa đầy đủ, thiếu thống nhất dẫn đến gây khó khăn cho công tác tra cứu, đối chiếu, cập nhật thông tin về TTHC.

Tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ vẫn còn xảy ra ở một số lĩnh vực trọng tâm, như: Đất đai, cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân. Việc ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức vẫn còn có những hạn chế nhất là đội ngũ cấp xã trong thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua phần mềm một cửa hiện đại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Cổng dịch vụ công tỉnh đã kết nối và chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia, tuy nhiên mới chỉ có 3% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

4.2.2. Nguyên nhân

Nhận thức và sự quan tâm của một số cấp uỷ, chính quyền các cấp và một bộ phận cán bộ, công chức về CCHC chưa thật sự đầy đủ, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Người đứng đầu của một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, đầu tư đúng mức cho công tác CCHC.

Thủ tục hành chính thường xuyên có sự thay đổi, bổ sung, chỉnh sửa. Một số văn bản quy định về TTHC chưa được pháp luật quy định bắt buộc phải ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trực tuyến tiếp nhận, giải quyết TTHC.

Việc tích hợp với phần mềm Một cửa của tỉnh với phần mềm giải quyết TTHC chuyên ngành của một số Bộ, ngành Trung ương *(Bộ Kế hoạch đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính...)* chậm được triển khai thực hiện, dẫn đến việc theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết TTHC của một số lĩnh vực hiệu quả chưa cao.

Việc triển khai kết nối dịch vụ công từ Cổng dịch vụ công của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia gặp nhiều khó khăn do cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan, đơn vị *(Cơ quan thực hiện TTHC, Sở Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn VNPT và Văn phòng Chính phủ).*

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CCHC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Các sở, ngành, địa phương tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 về từng nội dung, lĩnh vực CCHC. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền CCHC; tổ chức đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; đối thoại với cá nhân, tổ chức về TTHC, giải quyết TTHC.

2. Tập trung nghiên cứu và triển khai Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình tổng thể tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch CCHC tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 *(sau khi Chính phủ ban hành Kế hoạch)*. Kế hoạch về công tác cải cách hành chính năm 2022; giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Quyết định các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2022.

3. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ, ngành, địa phương. Tiếp tục thực hiện Quy chế kiểm tra, rà soát văn bản QPPL. Tăng cường kiểm tra văn bản QPPL; kịp thời phát hiện và đề xuất xử lý các văn bản trái quy định của pháp luật. Bảo đảm 100% văn bản QPPL ban hành đúng thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; 100% văn bản QPPL phát hiện sai phạm qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý; 100% văn bản QPPL được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát.

4. Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, định hướng về cải cách TTHC của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở chỉ đạo tại các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân; tăng cường thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC trên môi trường điện tử theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP; quán triệt thực hiện có hiệu quả các gói giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC qua các hình thức trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích; kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm 2021.

5. Tiếp tục sắp xếp các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền; rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ; sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW; Nghị định

số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện; Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND năm 2022; Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp của tỉnh; kiểm tra tình hình hoạt động; phân cấp của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện.

6. Tiếp tục thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Sửa đổi, bổ sung vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực vị trí việc làm trong cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút nhân tài; Quyết định giao chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ kỹ thuật viên hạng IV lên kỹ sư hạng III năm 2021; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; kiểm tra công vụ, kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

7. Tiếp tục rà soát các đơn vị sự nghiệp công lập đáp ứng được tiêu chí chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện. Đẩy mạnh chất lượng triển khai Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ, phấn đấu và duy trì 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được giao thực hiện tự chủ. Giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022 cho các huyện, thành phố, các đơn vị dự toán trên cơ sở nghị quyết của HĐND tỉnh; quy định cơ chế quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2022; ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022; Chỉ thị về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2022.

8. Tiếp tục tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số theo quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 và Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình "Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Tiếp tục triển khai các dự án công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực quản lý, bao gồm: dự án thuê nền tảng dịch vụ tích hợp và chia sẻ dùng chung LGSP tỉnh Sơn La; dự án chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống

hóa mã định danh các hệ thống thông tin, phần mềm trên địa bàn tỉnh; dự án cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 của tỉnh; cập nhập, duy trì kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh; ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số tỉnh Sơn La năm 2022; phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Sơn La năm 2021; tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật cấu hình quy trình điện tử trên hệ thống thông tin hỗ trợ giải quyết TTHC đối với việc giải quyết từng TTHC cấp tỉnh, huyện, xã, thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

9. Tập trung kiểm tra trực tiếp công tác CCHC trên 30% các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh theo Kế hoạch; tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ CCHC cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2021. Triển khai Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh năm 2021; công bố Chỉ số CCHC, Chỉ số SIPAS, Chỉ số ICT của các cơ quan, đơn vị; đánh giá Chỉ số DCCI năm 2021.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Thường trực HĐND;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo tỉnh ủy;
- MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC, LX(50b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số 208 /BC-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	**Công tác chỉ đạo điều hành CCHC**			
1.1.	Kế hoạch CCHC		07 nhiệm vụ trọng tâm	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	94	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	42	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	44	
1.2.	Kiểm tra CCHC		12 đơn vị	
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	Không = 0	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	Không = 0	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	Không = 0	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	Không = 0	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	13	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	10	03 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	Không = 0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát *(khảo sát, đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân về thái độ ứng xử của đội ngũ y, bác sĩ trong quá trình khám, chữa bệnh triển khai tới toàn thể các bệnh viện trên địa bàn toàn tỉnh)*	Số lượng	6.238 phiếu	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	Phát phiếu = 1	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	19	
2.	**Cải cách thể chế**			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	10	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	33	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	-	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	02	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	02	
3.	**Cải cách thủ tục hành chính**			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	169	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	160	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	1.695	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.342	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	235	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	118	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	127	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	25	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	60	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	224	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100%	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100%	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,99%	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,99%	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hẹn	%	99,99%	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp)	%	99,99%	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn (ở cả 3 cấp)	%	99,99%	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	1.695	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	703	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến	Thủ tục	501	
4.	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	19	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	07	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	51	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	937	
Trong đó	*Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh*	Cơ quan, đơn vị	11	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	347	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	579	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	23,9%	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức		2.281	
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.274	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.181	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	Không = 0	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	11	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,81%	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp		27.775	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	27.775	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	26.231	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	186	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,09%	
5.	**Cải cách chế độ công vụ**			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	33	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	927	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	Không = 0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	Không = 0	
5.2.2.	Tiếp nhận vào làm công chức	Người	46	
5.2.3.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	21	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	Không = 0	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	Không = 0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	09	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	11	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	35	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức *(cả về Đảng và chính quyền)*			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	1	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	1	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	02	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	4	
6.	**Cải cách tài chính công**			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	02	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	22	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	134	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	541	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Cơ quan, đơn vị	05	
7.	**Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến *Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.* *Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.*	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100%	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100%	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100%	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	159.918 văn bản	Số liệu 6 tháng ít hơn so với số liệu quý I *(520.887 văn bản)* do khi thống kê số liệu quý I, Sở Thông tin và Truyền thông đã

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				thống kê số liệu tổng số văn bản đi của tất cả các đơn vị có sử dụng phần mềm quản lý văn bản trên địa bàn tỉnh *(các cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, một số đơn vị công an, bộ đội và một số doanh nghiệp có sử dụng phần mềm)*
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử *(Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).*	%	100%	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	2,5%	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100%	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	123	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	627	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	90%	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100%	